

Số: 3460/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp
24 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá
năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 4250/QĐ-BYT ngày 04 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia tại Tờ trình số 81/TTr-TTMS ngày 24 tháng 10 năm 2022 và các hồ sơ, tài liệu kèm theo đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu 24 thuốc biệt dược gốc thuộc các gói thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 399/BC-KHTC ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tổ Thẩm định kế hoạch, kết quả đàm phán giá thuốc đối với kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, cụ thể như sau:

1. Tên nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu, danh mục thuốc trúng thầu chi tiết tại Phụ lục kèm theo theo Quyết định này.

2. Cách thức thực hiện: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ký thỏa thuận khung, các cơ sở y tế trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: 24 tháng kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực.

Điều 2. Giá trúng thầu nêu tại Điều 1 là giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí bao bì, đóng gói, bảo quản, vận chuyển giao hàng đến kho các cơ sở y tế và các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định nhà nước hiện hành.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm ký thỏa thuận khung với nhà thầu được phê duyệt trúng thầu tại Điều 1; công khai kết quả đàm phán giá theo đúng quy định pháp luật; giám sát, điều tiết quá trình thực hiện thỏa thuận khung.

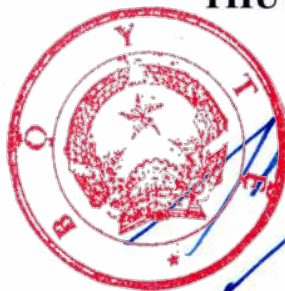
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KH-TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Thuận

PHỤ LỤC

Danh mục kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021
của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc quốc gia

(Kèm theo Quyết định số 3460 /QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021													
1. Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2													
1	Anzatax 100mg/16,7ml	Paclitaxel	100mg/16,7ml	VN-20846-17	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	18	Hộp 1 lọ 16,7ml	Hospira Australia Pty Ltd, Úc	Lọ	2.447.550	64.300	157.377.465.000
2	Anzatax 150mg/25ml	Paclitaxel	150mg/25ml	VN-20847-17	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	18	Hộp 1 lọ 25ml	Hospira Australia Pty Ltd, Úc	Lọ	3.173.573	15.133	48.025.680.209
3	Anzatax 30mg/5ml	Paclitaxel	30mg/5ml	VN-20848-17	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	18	Hộp 1 lọ 5ml	Hospira Australia Pty Ltd, Úc	Lọ	754.110	62.258	46.949.380.380
4	Mabthera	Rituximab	100mg/10ml	QLSP-0756-13	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Truyền tĩnh mạch	30	Hộp chứa 02 lọ x 10ml	CSSX: Roche Diagnostics GmbH, Đức; CSDG: F.Hoffmann-La Roche Ltd., Thụy Sĩ	Lọ	4.662.925	12.974	60.496.788.950
5	Mabthera	Rituximab	1400mg/11,7ml	QLSP-H02-1072-17	Dung dịch tiêm dưới da	Tiêm dưới da	30	Hộp 01 lọ	F. Hoffmann-La Roche Ltd., Thụy Sĩ	Lọ	24.969.148	14.930	372.789.379.640

6	Prograf 0.5mg	Tacrolimus	0,5mg	VN-22057-19	Viên nang cứng	Uống	36	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Astellas Ireland Co., Ltd., Ireland	Viên	34.088	4.320.386	147.273.317.968
7	Advagraf	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrate)	0,5mg	VN-16290-13	Viên nang cứng phóng thích kéo dài	Uống	36	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Astellas Ireland Co., Ltd., Ireland	Viên	34.088	972.090	33.136.603.920
8	Advagraf	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrate)	1mg	VN-16498-13	Viên nang cứng phóng thích kéo dài	Uống	36	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Astellas Ireland Co., Ltd., Ireland	Viên	51.130	3.491.398	178.515.179.740
9	Advagraf	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrate)	5mg	VN-16291-13	Viên nang cứng phóng thích kéo dài	Uống	36	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Astellas Ireland Co., Ltd., Ireland	Viên	236.670	138.920	32.878.196.400
10	Herceptin	Trastuzumab	150mg	QLSP-894-15	Bột đông khô để pha dung dịch truyền	Truyền tĩnh mạch	48	Hộp 1 lọ	CSSX: Roche Diagnostics GmbH, Đức; CSDG thứ cấp F.Hoffmann-La Roche Ltd., Thụy Sĩ	Lọ	12.907.089	8.547	110.316.889.683
11	Herceptin	Trastuzumab	440mg	QLSP-1012-17	Bột đông khô pha tiêm	Truyền tĩnh mạch	48	Hộp 1 lọ bột đông khô và 1 lọ 20ml dung môi pha tiêm	CSSX: Genentech Inc., Mỹ; CSSX lọ dung môi và đóng gói: F. Hoffmann-La Roche Ltd., Thụy Sĩ	Lọ	32.829.678	2.428	79.710.458.184
12	Herceptin	Trastuzumab	600mg/5ml	QLSP-1117-18	Dung dịch tiêm	Tiêm dưới da	21	Hộp 1 lọ x 5ml	F.Hoffmann-La Roche Ltd., Thụy Sĩ	Lọ	24.556.600	24.145	592.919.107.000

Tổng cộng gói thầu 1

1.860.388.447.074

Gói thầu 3: Cung cấp thuốc biệt dược gốc nhóm tim mạch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

1. Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2

Gói thầu 5: Cung cấp thuốc biệt dược gốc tác dụng trên đường hô hấp thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

1. Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2

18	Symbicort Turbuhaler	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg	160mcg; 4,5mcg	VN-20379-17	Thuốc bột để hít	Hít	24	Hộp 1 ống hít 120 liều	AstraZeneca AB, Thụy Điển	Ống	434.000	238.159	103.361.006.000
19	Symbicort Turbuhaler	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg	160mcg; 4,5mcg	VN-20379-17	Thuốc bột để hít	Hít	24	Hộp 1 ống hít 60 liều	AstraZeneca AB, Thụy Điển	Ống	219.000	734.780	160.916.820.000
20	Symbicort Rapihaler	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg	160mcg; 4,5mcg	VN-21667-19	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Hít	24	Hộp 1 túi nhôm x 1 bình xịt 120 liều	AstraZeneca Dunkerque Production, Pháp	Bình	434.000	92.274	40.046.916.000
21	Seretide Accuhaler 50/250mcg	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	50mcg; 250mcg	VN-20766-17	Bột hít phân liều	Hít qua đường miệng	24	Hộp 1 dụng cụ hít accuhaler 60 liều	GlaxoSmithKline LLC, Mỹ	Hộp (1 bình hít)	199.888	256.051	51.181.522.288

22	Seretide Accuhaler 50/500mcg	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg ; Fluticasone propionat 500mcg	50mcg; 500mcg	VN- 20767-17	Bột hít phân liều	Hít qua đường miệng	24	Hộp 1 dụng cụ hít accuhaler 60 liều	GlaxoSmithKline LLC, Mỹ	Hộp (1 binh hít)	218.612	71.001	15.521.670.612
23	Seretide Evohaler DC 25/50mcg	Fluticasone propionate; Salmeterol xinafoate	Fluticasone propionate 50mcg; Salmeterol 25mcg/liều	VN- 14684-12	Thuốc phun mù hệ hỗn dịch để hít qua đường miệng	Hít qua đường miệng	24	Bình xịt 120 liều	Glaxo Wellcome S.A, Tây Ban Nha	Bình xịt	147.425	68.646	10.120.136.550
24	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Mỗi liều xịt chứa: 25mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronised) và 125mcg Fluticasone propionate (dạng micronised)	25mcg; 125mcg	VN- 21286-18	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Hít qua đường miệng	24	Hộp 1 binh 120 liều xịt	Glaxo Wellcome S.A, Tây Ban Nha	Bình xịt	210.176	286.501	60.215.634.176
Tổng cộng gói thầu 5													441.363.705.626
TỔNG CỘNG													3.283.084.880.755

(Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm tám mươi ba tỷ, không trăm tám mươi tư triệu, tám trăm tám mươi nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng./.)